

Về phương diện tổ chức, họ Dậm cũng có hình thức tuyển chọn chặt chẽ theo những tiêu chuẩn tối thiểu về thanh, sắc, tâm linh, điều kiện gia đình. Các gái Dậm phải luyện tập hàng tháng lời ca, điệu múa trước khi làng mở hội. Yếu tố tâm linh, tâm lý đua tài của những nghệ nhân cùng nhóm cũng kích thích họ say sưa luyện tập nhằm đạt chất lượng cao nhất, có thể. Đây cũng là nguyên nhân khiến cho mối tương quan giữa âm nhạc và lễ hội thêm chặt chẽ.

c- Hèm, kiêng kị liên quan đến lễ lối sinh hoạt và biểu diễn nghệ thuật ở Hát Dậm

Xuất phát từ quan niệm âm nhạc (nhạc cụ, âm thanh nhạc cụ, lời ca) là vật ban tặng của thần linh cho con người, cho nên tại lễ hội Hát Dậm, người ta có những quy định chặt chẽ về thời gian, không gian tập luyện, hát múa những làn điệu Dậm. Chẳng hạn, theo quy ước lệ làng, các nghệ nhân chỉ được luyện tập hát múa ở đình Trung, ở Đền Trúc, ngoài ra không được luyện tập ở bất cứ đâu. Khi biểu diễn các làn điệu Dậm, các nghệ nhân cũng chỉ thu hẹp ở đình làng, ở đền Trúc, không được múa hát ở những nơi khác. Trong trường hợp cần thiết, Bà Trùm phải sắm sửa lễ, trình báo với thần, xin âm dương, được chấp nhận với đám đem quân đi múa hát ở những nơi ngoài quy định. Tình hình trên cũng là chung cho nhiều lễ hội dân gian Việt Nam, như Hát Xoan, Hát Chèo Tàu, Hát Đô, Hát Lải Lèn. Tuy từng lễ hội cụ thể mà người ta có những quy ước cụ thể về lễ lối, bài bản, cách thức biểu diễn các làn điệu. Như thế, chính những kiêng kị, những quy ước về lễ lối, bài bản làn điệu của Hát Dậm cũng nhằm tăng cường mối quan hệ mật thiết

KHẢO CỨU VỀ LỄ HỘI HÁT DẬM QUYỂN SƠN

giữa lễ hội thờ Thành hoàng, thờ Thánh ở Quyển Sơn với âm nhạc thêm mặt thiết, hữu cơ.

d. Trên cơ sở những luận điểm đã lý giải (còn sơ lược) trên, chúng tôi tạm rút ra nhận định: tín ngưỡng, tôn giáo, trong đó có tín ngưỡng thờ Thành hoàng, thờ Thánh ở lễ hội Hát Dậm Quyển Sơn là một trong những môi trường quan trọng giúp nảy sinh sự sáng tạo âm nhạc và ngược lại, chính âm nhạc dân gian là tác nhân thúc đẩy lễ hội Hát Dậm vận hành suốt hàng ngàn năm qua tại vùng quê bán sơn địa. Giữa chúng từ rất lâu rồi đã hình thành mối quan hệ biện chứng, tương tác, ràng buộc lẫn nhau để cùng phát triển. Tín ngưỡng thờ Thành hoàng, thờ Thánh trong lễ hội Hát Dậm đã kích thích sự phát triển của âm nhạc cổ truyền trên nhiều khía cạnh: bài bản làn điệu, làn điệu, thể dân ca, kỹ năng xướng âm, giai điệu... Còn âm nhạc dân gian thì giúp cho Hát Dậm có được không khí trang trọng, thiêng liêng, quy mô hoành tráng, sức lôi cuốn với người dân trong cộng đồng. Thời phong kiến, ít có hoạt động xã hội - tâm linh nào mà có sự kết hợp hài hoà giữa thân lực của âm nhạc "thiên", gồm ca - múa - nhạc liền hoàn, với môi trường tín ngưỡng, môi trường lễ hội đến như thế. Thật chí lý khi có người cho rằng, lễ hội truyền thống là ngày hội của nhân dân. Người dân lao động Quyển Sơn, quanh năm đầu tắt mặt tối, lo toan mưu sinh, nhưng đã giành một lượng thời gian, công sức không nhỏ để mở lễ hội Hát Dậm. Tại đây, trong một không gian - thời gian "thiên", xác định, họ đã đem hết khả năng âm nhạc vốn có, phục vụ diễn xướng tế lễ, vui chơi, đẩy Hát Dậm đến tầm vóc to lớn, thành công nhất so với quy mô một hội làng ở khu vực đồng bằng, trung du Bắc bộ, thời điểm trước thế kỷ XX.

III. GHI ÂM, KÝ ÂM MỘT SỐ BẢN NHẠC LIÊN QUAN ĐẾN LỜI CA CỦA HÁT DẬM

1. Ghi âm

Trong nghiên cứu, sưu tầm lễ hội cổ truyền, ghi âm là một thao tác quan trọng, cần thiết. Để công việc ghi âm được tương đối hoàn chỉnh, bảo quản được lâu dài, chúng tôi (LHB) thành lập một nhóm công tác, trong đó phân công:

- Ông Phạm Văn Hào - nhạc sĩ, hội viên Hội Văn học Nghệ thuật Hà Nam phụ trách kỹ thuật ghi âm bằng máy vi tính, điều chỉnh cho hoàn thiện rồi chuyển sang đĩa CD.

- Bà Trùm Trịnh Thị Rãm và nghệ nhân dân gian Đinh Thị Hợi trực tiếp hát trước máy thu. Hầu hết các làn điệu, do Bà Trùm hát, chỉ những làn điệu đòi hỏi đối xứng, nghệ nhân Đinh Thị Hợi mới hát cùng, chia làm hai bè rõ rệt, đảm bảo giống với các gái Dậm hát múa trước bàn thờ thần linh, dịp lễ hội.

- Chúng tôi - chỉ huy chung.

Công việc được tiến hành trong 12 tiếng đồng hồ liên tục mới tạm xong. Mặc dù điều kiện vật chất và kinh phí còn hạn hẹp, nhưng chúng tôi đã cố gắng bảo đảm chất lượng đến mức cao nhất, nhằm tỏ lòng trân trọng, tri ân với Bà Trùm, tuổi đã tám mươi mà vẫn nhiệt tình giúp đỡ chúng tôi, khi chúng tôi mời cùng thực hiện đề tài nghiên cứu lễ hội.

2. Ký âm

So với ghi âm, công việc ký âm cũng phức tạp và khó khăn không kém. Công việc ấy, chúng tôi mời nhạc sĩ Lê Hồng Thái - hội viên Hội văn học Nghệ thuật Hà

KHẢO CỨU VỀ LỀ HỘI HÁT DẬM QUYỂN SƠN

Nam đảm trách. Ông là một nhạc sĩ có kinh nghiệm ký âm, từng ký âm tương đối chuẩn một số bản nhạc dân ca Hà Nam, được đồng nghiệp tin cậy. Cố nhiên, kết quả công việc có lẽ chỉ đạt 95%, do có tình trạng "vênh", giữa lời ca của nghệ nhân và ghi âm lời Hát Dậm, do tình trạng dị bản của văn nghệ dân gian gây ra. Ngay cả trong trường hợp ghi âm lời ca của Bà Trùm Rằm, cũng mỗi lần khác nhau chút ít, không lần nào tuyệt đối giống lần nào. Đòi hỏi một sự ăn khớp hoàn toàn giữa lời Hát Dậm (dạng văn bản "Lý Đại Vương Bình Chiêm sự tích diễn ca" chữ quốc ngữ do Bà Trùm lưu giữ) với lời ca ghi âm do chính Bà Trùm hát trước máy thu là điều cần thiết song bất khả thi trong tình hình hiện nay. Như đã giải thích, Bà Trùm Trịnh Thị Rằm đã cao tuổi, có biểu hiện lẫm lẫm khi trình diễn. Thậm chí mỗi lần hát một làn điệu, bà cũng hát khác đôi chút so với lần hát trước đó. Tình trạng ấy, xét cho cùng, cũng là hiện tượng bình thường trong sinh hoạt, trong diễn xướng văn hoá dân gian, không nên xem là bất thường.

Sau đây là một số bản nhạc ký âm có liên đới đến lời của Hát Dậm, khoảng 23 trên 30 làn điệu. Mỗi bản nhạc chỉ ký âm một trở của làn điệu. Các trở khác, tuy dị biệt về lời, nhưng giai điệu, âm hưởng như nhau, bởi thế không cần ký âm tất cả.

Trình tự các làn điệu ký âm:

Trấn ngũ phương



Hỡi da

- 1- Đông phương là Giáp Ất
- 2- Tây phương là Canh Tân
- 3- Nam phương là Bình Đinh
- 4- Bắc phương là Nhâm Quý
- 5- Trung phương là Mậu Kỷ



Mộc ơ chúng tôi thua vậy Bồng lốc là
 Kim ơ chúng tôi thua vậy Chơi chậm là
 Hoà ơ chúng tôi thua vậy Lúa mạ là
 Thủy ơ chúng tôi thua vậy Lúa thụy là
 Thổ ơ chúng tôi thua vậy Quốc tộ là ...



nhieu thay (Tây ...) Bình Thìn
 chơi xạ Nam ...
 làm tơ Bắc ...
 lúa hướng Trung ...



tôi mới ơ ngũ phương thần kỳ ơ



là tôi mới ba vị nhà vua ơ



là tôi mới kẻ cả làng ta ơ.

Cần Miêu



Cần miêu vừa xanh vừa tốt Có một nhũ là kha
thay thưa nơi vòng tròn dài lưa đây thưa Đầu miêu bay
phoi phôi mấy đ thiếu thì làm yến hải đ chẳng hay miêu
này đến tay ai đ Cần miêu là cần miêu chúc đ
chặt xoan về làm nền cửa nền nhà cho yến là hời dả
Cần miêu là xa dầm cần là chữ rằng chẳng
hết bao nhiêu là thấy miêu đ đây mừng te là te
lết chà hết bao nhiêu là thấy miêu đ đây mừng te
là te lết chà hết bao nhiêu là thấy miêu đ đây mừng

Chấn tâm

Thăng Giềng mua giềng ở hồi ở tâm vàng tâm
 trắng tốt thay Đường là đường lên Thái ở đi hải dầu về lo
 ngày chả bảy thì ba Nhược bằng trưng xam nó mới nó ra
 con tâm Dao ở sắc thái là dầu non ở hoà dung
 Cát vào buồng trong tối tâm Du là nhiều ít là xa xam
 ở để ngoài ăn một lai đến mà ăn hai Lai ăn
 ở ba dùng để dầu gai ở còn thừa là dùng ở
 để dầu gai còn thừa là Mười nóng là ăn một ở
 mười nóng là ăn một ở Là tốt ở đẹp như
 hoa Hồi náng ba đi là ra ở mừng tâm

^ Tâm nằm đem qua đã dày (ở)
 (Là) Hải dầu để tối cho ăn
 (Là) để (ở) ruộng Đồng Tây thái hoá (Lê là lê lết)

Mặc cửi

Anh đi hầu lo hơn thiệt Thiếp ở nhà
giữ việc làm ăn Từ ngày vài cái dệt khăn
Muốn đẹp lòng anh ở chiều nắng chàng hay là tôi
giữ chàng hay là chữ thơ Anh đi đường
xa xứ Bắc Thiếp ở nhà là mặc ở cửi tương
tư Là tương ở tư chín đoạn là một ở
đoạn ở cũng mặc là hai ở đoạn cũng tương
nên là nên là mặc cửi ở tương tư

^ Là tương tư chín đoạn

Một đoạn cũng mặc

Hai đoạn cũng đưa (Nên là nên)

(Là) Mặc cửi (ở) tương tư

Dệt lụa may áo

Hồi da Lai mượn đôi kim thước kéo là
 phân nào ai khéo thì may là đôi là cánh
 phượng như bay là ngọt thua của tay ở cho
 đều chàng đón cánh xếp người nhuộm làm sao nhuộm
 bằng nhí dao Nô mỗi tốt đẹp mỗi thuy' dao ở là
 tốt ở mua dãn dãn thư thư là một mớ
 áo quàng là áo ấy có chữ thương ở cùng
 chàng áo ấy có chữ thương ở cùng chàng

Múa chèo

Hỡi da te hồ là way way mời ngựa
lên Ta hay múa hay hát bước đến nhà nuôi già
thú 333 à gà cho lấy được quặng anh là
đặt giẻ anh phân náng với một thuyền quan ngang dọc đem
đến mà chèo đến đất Gia Lâm là đất chợ
Thắm lên là lên Mỹ nữ đào hoa phải đi ra ở là
phát ở đang phát cho quang là hồ kéo ở xe
về lên là lên mỹ nữ đào hoa phải
đi ra ở là mich đĩa học đến ban
khuya là tôi ở mời tất đến

Mãi thân

Một mình xuống tận giang biển là lồm thôm cò
 một chiếc thuyền sóng ba lá sóng gợn
 gợn vượt ài khôn tìm đến bến giang biển
 là Mãi Thân một mình kinh sử thường
 đọc số ca của nhà khả thay Nàng
 ba khả thay sự này cùng anh đứng
 đã hơi hơi Chu Mãi Thân hơi đ
 đ là Mãi Thân

* Hời này là ai
 Tôi là Mãi Thân
 Một mình kinh sử
 Thường đọc số ca

Trẩy quân

The musical score is written in a single system with eight staves. The key signature has one flat (B-flat), and the time signature is 2/4. The melody is written on a treble clef. The lyrics are written below the notes. There are some musical ornaments, such as a '3' above a note in the first staff, indicating a triplet. The lyrics are: Ư hồi quân ta ơi là dà ơi về đánh đã được giặc đánh đã lai hàng là anh đây ơi xe về đem dãi ta xa bầy quân về hồi thăm xa xa xem thuyền ấy về đây sao kia chát đất khằng khằng ta xa giở dãi giở lấy sào lên hò vạy đó vạy ấy đó vạy

Ư hồi quân ta ơi là dà ơi
về đánh đã được giặc đánh
đã lai hàng là anh đây ơi xe
về đem dãi ta xa bầy quân
về hồi thăm xa xa xem thuyền ấy về
đây sao kia chát đất khằng khằng ta
xa giở dãi giở lấy sào
lên hò vạy đó vạy ấy đó vạy

Đẩy xe

Hỡi da là đẩy đờ xe đẩy xe là
 ngồi đờ nghe nhạc đờn là thuyền nan chèo chèo
 què là chèo đờ thời ngày xưa ấy chàng đi da
 thiếp đẩy đờ xe về Là đẩy đờ xe đẩy
 xe là ngồi đờ nghe nhạc đờn là thuyền đờ
 nan chèo què là chèo đờ ghê một bên Là
 chèo đờ lên mũi hồ là mũi đờ hồ lai
 lang ấy chàng đi da Thiếp đẩy đờ xe về là sang đờ
 đánh bên Ngó là bên ta đánh được giặc đánh
 đá được giặc đánh đá lại hàng là thiếp đẩy thuyền về

Mái hò 1

Cắt quân đi đánh ấy Chiêm Thành (Khoan khoan xa
xa hò khoan) Bật được tướng nó giao binh khả
hoàn (Hò vầy dô vầy mấy dô là) Là gác chéo da
dà mấy hò khoan (Khoan khoan xa xa hò khoan) Bền
Đồng sàng tôi vừa ban nửa ngày (Hò vầy dô
vầy mấy dô hò) Là tướng quân ấy này mấy sau
tay (Khoan khoan xa xa hò khoan) Quý lầy tiếng
bày trước mặt mấy tướng quân (Hò vầy dô
vầy mấy dô là

Mái hò 3

Là ngôi buồm luan sự mấy đường thương (Ồ hò da way mới má lên
 mây trở về) Phu thế huynh da một giường mấy kẻ ra (Ồ hò
 da way mới má lên mây trở về) Là cho hay sự thể mấy gian
 tà (Ồ hò da way mới má lên mây trở về) Giàu sang một
 đao nghĩa là mấy nhân luan (Ồ hò da way mới má lên
 mây trở về) Là chữ rằng vat hữu mấy tam thân (Ồ hò
 da way mới má lên mây trở về) Nhân hữu tam
 đảng nhời rần Thành hiền (Ồ hò da way mới má lên
 mây trở về) Là nhời lành giữ lấy mấy thiên niên (Ồ hò
 da way mới má lên mây trở về) Chép rá cho thể gian
 truyền mấy đăm chiêu (Ồ hò da way mới má lên mây trở về)

KHẢO CỬU VỀ LỄ HỘI HÁT ĐẠM QUYẾN SƠN

Chép ra cho thể gian truyền mấy đăm chiêu

(Ơ hò da vạy mỗi má lên mây trở về)

(Lá) bầu bạn thời giấu thời yêu

(Ơ hò da vạy mỗi má lên mây trở về)

Đánh em ai xốt má chau dạ phiến

(Ơ hò da vạy mỗi má lên mây trở về)

Đi Lá) Tay rằng cùng ngon (mấy) dưới trên

Phong pháo

Eloc tước ... Vào nhịp

Nhìn làng nghe tôi ở ong pháo ở đây Trên là có Tam giáo Thích
 Ca ấy a dưới đá có hương hoa chúng a kiến ấy a Rước vua lên ngôi
 trên giao phái ấy Rước vua lại giao phái đại hành pháo nổ liên
 thanh thỏ vua phải lễ ấy Tôi mời kẻ là họ pháo
 này ấy đang phương a này là Giáp a ẤT a mộc đốt cho dung
 đúc nổ lên thành than ấy đem cúng sinh nó hoá làm một ấy
 vậy là tốt thanh thành non cao dung là dung a nước bình
 an sức a khoẻ Du già du trẻ phúc a thọ Khang bình ấy Pháo nổ
 ra nghe tôi phong a pháo phong pháo là giống a giống cái giống
 tam a tập giống tam giống tập cái tập tam giống Đan
 làng nghe tôi phong pháo ở mỗi phải như nhằng thoả chỉ vui trên thượng đế ở

Chèo quý

Một mừng vua quan vạn tuế Hai a mừng Hoàng đế Thanh thường là
 ở võ dương là ở hồ la là way lè lè la la là la sẽ Ba
 mừng sinh a Hoàng tử nường các các công chúa tuổi được là ở trăng
 sinh là ở hồ la là way lè lè la la là la sẽ Bốn mừng
 Thái hậu đế kinh Tôi đã đời đức thanh minh là ở trong
 triều là ở hồ la là way lè lè la la là la sẽ Năm mừng
 vũ thuận phong điều An cư lập nghiệp Đế Nghiêu là ở thuận hoá
 là ở hồ la là way lè lè la la là la sẽ Sáu mừng xương thái bình
 ca Vua quan vạn tuế xã ta là ở sang giàu là
 ở hồ la là way lè lè la la là la sẽ Bảy mừng làng được
 sống lâu làm ruộng tốt lúa hai đầu là đầu chân tâm
 là ở hồ la là way lè lè la la là la sẽ

Múa dâng hương 2

Mừng vua lên ngự ngại a rông tấu vua là muôn tuổi
 cầu a trung vạn niên vua ngồi bàu vi đã
 yên thành nhi là kể a thành dôi a truyền bang gia khăng
 khăng nguyên văn phong a ba muôn cho là yên a nước yên a nhà
 yên dân bằng vàng thi đồ tên làng làng này a thi a
 đồ dâng a tài Trang nguyên Uy thiêng a đẹp quý trư tà bao nhiêu
 quý mi a tống a ra hải ngoài tốt lành phú hộ gại trai
 già thêm sức khỏe tuổi a dài thịnh thay tặc thọ
 phúc xuống làng này làng này phú quý an Khang chi ai chi đức
 dài vương nước ở về vua về kinh vua lai ban khắp
 hết làng làng làng làng cả ở làng ở hội ở hội ở hội

Chuồn rượu

Anh ra đi ngày ấy ở nhà quan dân ở lúc
 sức bốn bề tâm lảo nước mắt mỗi nhỏ ra
 là dưới dưới giải đồng tam học hết già
 làm Thấy ngộ đồng đến ở là ba tuần
 ba tuần là rượu chấu ở ba tuần là
 rượu chấu ở là chén ở rượu chén phong có
 chén Bồng Lai là tôi bài mà tôi quý tôi
 quý là tôi hiến ở tôi quý là tôi hiến ở
 là chén ở rượu cần phong

Tôi quý là tôi hiến ở ta ở hiến chơi ở là ba tuần rượu chấu ở
 là ba tuần rượu chấu ở là chén rượu cần phong,

có chén bồng lai là tôi vai ở
 tôi quý tôi quý là tôi hiến ở
 ta xa ở xa hiến chơi

Chinh trai

Chinh trai ta đây thuyên về Nhan
 khuya bằng làng bạn khuya dứt mối Tiếng
 cao tiếng thấp Có tiếng gọi người ra
 đi Tiếng cao tiếng thấp Có tiếng gọi
 người ra đi Gành gáp bốn bề Đai
 năng đầu súng Lá đem chà dờ được nằm
 ra đi

Hiên môn

Hiên môn Hiên môn đến
tháng phủ mã ấy là liễu
lai ơ phủ trí miến xa ơi hời xa
miến chấp bút để thơ mấy chữ giang biên .

* Miến xa ơi ơi xa miến
Chấp bút để thơ lấy chữ giang biên

Yên cờ

Yên đờ yên cờ cờ yên
 Wồn đã tếu
 nhân mấy là ngó
 phương đờ yên cờ
 Là yên
 đờ tào yên tào
 là yên tào quán
 Wồn đã tếu nhân
 ấy là bà tuấn đờ yên
 tào là chằm đờ
 thủy chằm hoa ấy
 diều xà ta Mái
 cốc mái cốc ấy
 diều sinh thu Hoàng
 trường cảm a miếu ấy
 diều tào thiên thu
 về là wan wan
 tiể

Hoá sắc

Hoạ sắc hoạ sắc đỉnh nào đỉnh
này Rước a lấy ba vị đức vua về
hộ láng ta bắt ngắt lời đỉnh trượng
đài bạch thạch đồng tây là xa là
sắt Trời tua đức Chúa lại tiếng bày
bao nhiêu quý này đẹp ra cho
hết tâm tư lúa mã trà cả làng
này Thái thượng Lão quân Thần phủ hoá
sắc hoạ sắc hoạ sắc

Mùa xuân

Tôi a đất Hà Tây thì hồ mang a hồ mang
 tôi đất Hà Tây mang bức thư này về chiêm Ngưu Lang Là hỏi Ngưu Lang
 a Hoi Ngưu Lang từ đọc thấy thư cất lên đất xuống tương tư là
 tư khôn cảm Tầu a chúa lên trời Thì một là nay a
 một là nay tầu chúa lên trời hai là vàng cảnh thiên thai là thai nhưng
 là Bay a về kiếp nhân a thì rộn cung mây a rộn
 cung mây cảnh cung mây bay về kiếp nhân Nhân a đã về thư
 thái hỏi cái nhân kia thì hỏi Ngưu Lang a hỏi Ngưu Lang bỏ cõi
 chồng gai thu về một mối ngày dài quân thiên

Bỏ bộ

1 - Nếp là nếp nếp mây Nếp là
nếp nếp mây tình bằng là dẻo làm a tình bằng là dẻo
làm ta bỏ ru hời ta ru hời dẻo làm nếp
mây là nếp mây (Roi là)

Các lời 2, 3, 4, 5 có phụ lục kèm theo

Huê tình

Da - dà là dà mưa xuân Tôi
trách là trách ông Nguyệt ấy cũng cảm cần là cần chà
sóng Đêm cô nằm là nằm trong bóng cô sóng cả
năm hồi hồi thư ta có thư rằng Đâu tang
tình tang tình tình tang ta lang tang tình ..

* Tết đến là đến giêng hai
Tết đến là đến giêng hai
Đùng đùng là đùng chơi xuân
Đi tìm là tìm huê nở
Thấy huê là huê mừng rỡ
Chả biết rằng hoa nở nơi nao
Ấy hồi thư ta có thư rằng
Cải mệnh tang tình
Ta tình tình tang
Ta lang tang tình

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Sau năm chương khảo tả, so sánh, phân tích, lý giải, nhận định, chứng minh về lễ hội Hát Dặm Quyển Sơn, chúng tôi thấy có thể rút ra những lời ít nhiều có tính chất kết luận và kiến nghị dưới đây:

1. Về nguồn gốc

Hát Dặm, hiểu theo nghĩa hẹp, là dân ca nghi lễ, hát múa cửa đình, cửa đền; hiểu theo nghĩa rộng, nghĩa đầy đủ, là lễ hội lịch sử - phong tục, đã nảy sinh vào khoảng thế kỷ XI, trong bối cảnh sinh thái - lịch sử - văn hoá mang đậm yếu tố bán sơn địa của làng Quyển Sơn nói riêng, của huyện Kim Bảng, phủ Lý Nhân, trấn Sơn Nam xưa, tỉnh Hà Nam hiện nay, nói chung tồn tại và biến đổi liên tục, vận động liên tục từ đó đến bây giờ. Truyền thuyết về núi Cấm, về Đền Trúc cho rằng, Hát Dặm là những câu ca điệu múa do Lý Thường Kiệt tiếp thu được từ những tù binh Chiêm Thành, rồi đem dạy truyền cho dân chúng trại Canh Dịch - tên cổ của làng Quyển Sơn. Nhưng theo suy luận của chúng tôi - người viết công trình, có nhiều khả năng Hát Dặm có nguồn gốc sâu xa từ các thể hát đối đáp giao duyên, hát thờ vốn phổ biến trong đời sống văn hoá các cư dân nông nghiệp lúa nước, thời sơ sử, đến khi xảy ra sự kiện Lý Thường Kiệt chỉ huy đại quân nhà Lý hành binh bằng đường thuỷ theo sông Đáy, qua đồn trại Canh Dịch, ra biển, nhằm chinh phạt Chiêm Thành quấy phá châu Hoan, và sự kiện

ngài cho mở hội mừng công tại đây vào năm 1069 (Kỷ Dậu), thì do tâm vóc và sức hút của nhân vật lịch sử quá lớn, mà các trò múa hát dân gian nêu trên bèn được lịch sử hóa, nghi lễ hóa, nghệ thuật hoá thành lễ hội lịch sử - phong tục với cảm hứng ca ngợi nhân vật anh hùng, cảm hứng chiêm nghiệm nghề nông. Cái gọi là "Hát Dậm Quyến Sơn" hiện tại, thực ra chỉ là lớp sơn văn hoá muợn phủ lên trò múa hát dân gian liên quan xa xôi đến tín ngưỡng nông nghiệp cổ xưa trước đó mà thôi. Nói cách khác, Hát Dậm là lễ hội truyền thống nảy sinh ngay trên cơ tầng văn hoá dân gian bản địa, không có nguồn gốc ngoại lai. Yếu tố ngoại lai, nếu có, do giao lưu văn hoá, giữa các vùng miền, cũng không đủ khả năng làm thay đổi cội rễ bản địa của nó.

2. Về lịch sử vấn đề

Khoảng bốn chục năm qua, Hát Dậm đã được một số tổ chức, cơ quan cá nhân khảo lược, sưu tầm. Song, do hạn chế về phương pháp luận, về phương pháp tiếp cận; do góc nhìn hẹp, đơn tuyến; nhất là do thiếu tri thức tổng thể về văn hoá dân gian, cho nên những tổ chức, cơ quan, cá nhân nêu trên không chỉ ra được bản chất xã hội, đặc trưng thi pháp diễn xướng, diện mạo đích thực và bản chất nguyên hợp của lễ hội Hát Dậm, dẫn đến tình trạng hiểu phiến diện, sai lệch về đối tượng. Công trình nghiên cứu do chúng tôi viết nhằm khắc phục những hạn chế ấy, cố gắng đưa ra một cái nhìn tổng thể, dựng lại được diện mạo, quy luật vận động của Hát Dậm, như nó vốn có, như chúng tôi hiểu.

3. Về quy trình lễ hội và đặc điểm diễn xướng

3.1. Hát Dậm Quyển Sơn là lễ hội truyền thống đồng thời cũng là loại hình nghệ thuật dân gian nguyên hợp, trong đó các thành tố nghi lễ - ca - múa và nhạc không tách rời nhau, liên quan mật thiết với nhau, thông qua nhau mà phát huy tác dụng. Mỗi liên hệ giữa chúng là ràng buộc, qua lại, không có cái này thì cái kia cũng mất tác dụng và ngược lại.

3.2. Đây cũng là loại hình nghệ thuật nguyên hợp định kỳ về thời gian (mỗi năm mở hội một lần vào dịp đầu xuân), định điểm về không gian (ở đình Trung, ở Đền Trúc, xung quanh núi Cấm). Những đại lượng thời gian, không gian đó ít nhiều đã được "thiên" hóa, "linh" hoá.

3.4. Cách thức tổ chức của Hát Dậm

Dù là ban tế lễ của các quan viên làng xã, hay các gái Dậm, đều được tổ chức tự nguyện, tự quản, tự trang trải theo hình thức "ban", "bọn", "hộ", rất gần với hình thức tổ chức lễ hội Hát Xoan, lễ hội Về Tàu Tượng, lễ hội Hát Dô, Quan họ Bắc Ninh, hội Dóng, lễ hội đền Trần Thương, Lải Lèn... Số lượng các thành viên tham gia tế lễ, múa hát Dậm hàng năm không cố định, nhưng phải là số chẵn (nếu kể cả người chỉ huy chung thì là số lẻ). Hơn thế, chủ tế còn phải là người làm ăn thịnh đạt, gia đạo hoà hợp, hanh thông; các gái Dậm phải là các cô gái son trẻ, thanh tân, do một Bà Trùm hướng đạo.

3.4. Là lối ca - múa - nhạc thờ Thành hoàng, thờ Thánh mà thực chất là "múa thiên", "hát thiên", "nhạc thiên", cho nên các nghi thức diễn xướng Hát Dậm vận động gắn liền và đan xen với ca hát, do hội tư văn và do

họ Dạm đảm nhiệm, từ mồng 1 đến mồng 6 tháng hai âm lịch ở đình làng, từ mồng 7 đến mồng 10 tháng hai âm lịch ở Đền Trúc. Quá trình vận hành lễ hội là quá trình các nghi lễ và trò thi đấu - thể thao, biểu diễn nghệ thuật đan lồng vào nhau, không tách bạch thành lễ và hội riêng, như có người vẫn tưởng. Khoảng 50 năm nay, do đình Trung bị giặc Pháp đốt, dân làng Quyển mới tiến hành múa hát Dạm đan xen cùng tế lễ và các trò vui chơi từ ngày mồng 1 đến ngày mồng 6 tháng hai âm lịch tại Đền Trúc. Có thực tế này, là do cơ sở vật chất (đình làng) không còn, do người dân có xu hướng đơn giản hoá lễ thức, lễ tiết đi, so với thời xưa.

3.5. Lễ lối hát múa Dạm cơ bản gắn gũi với lễ lối Hát Xoan, Hát Đò, Hát Về Tàu Tượng, Hát Lải Lèn, Quan Họ Bắc Ninh... Đó là, từ hàng ngàn năm qua, bao giờ nó cũng tuân theo một trình tự chặt chẽ: trước hát lễ lối (hát nghi lễ), sau hát giọng vật (hát giao duyên). Phần hát lễ lối có các làn điệu *Trần ngũ phương*, *Cần miêu*, *Chăn tầm*, *Dệt củi*, *Mái hò một*, *Mái hò hai*, *Mái hò ba*, *Phong ống*, *Phong pháo*..., chiếm gần 80% dung lượng chung. Phần hát giọng vật có *Bỏ bộ*, *Huê tình*, *Ngutu Lưng - Chúc Nữ* (Giáo vọng, Gióng vãn, Múa vãn), chiếm khoảng 20% dung lượng chung. Sự phong phú, bề bộn của phần hát lễ lối đã quy định đặc trưng nghi lễ là đặc trưng chủ yếu của Hát Dạm (giống như Hát Xoan, Hát Đò, Về Tàu Tượng, Lải Lèn), còn đặc trưng giao duyên chỉ là đặc trưng thứ yếu của nó.

Theo lời kể của các bậc cao niên làng Quyển, Hát Dạm có tới 36 làn điệu gốc. Có thể đấy là con số "thiên" của tư duy dân gian (36 thứ chim, 36 nữ nường,

36 phố phường - con số phát triển đỉnh cao theo quan niệm Kinh Dịch, triết học cổ đại phương Đông). chú thực tế khảo nghiệm của chúng tôi chỉ có 30 lần điệu. Mỗi lần điệu, khi được trình diễn đan lồng vào tế lễ, đòi hỏi các gái Dạm phải có cách hát, múa, âm hưởng, giai điệu khác nhau. Hầu hết các lần điệu Hát Dạm đều đòi hỏi giữa lời ca, điệu múa, nhạc đệm cùng phải tập trung lột tả hành trạng, tính cách nhân vật lịch sử, đặc tả tượng trưng phong tục, tập quán, mô phỏng sinh hoạt cộng đồng, tư thế hành quân chiến đấu chống ngoại xâm của quân dân Đại Việt. Cũng có không ít lần điệu lời ca mang nội dung, cảm hứng ca tụng nhân vật lịch sử, hoặc cầu khẩn thần linh mà động tác múa lại mô phỏng thao tác nghề nông như cấy lúa, chăn tằm, ương tơ, dệt cửi, chèo thuyền. Chúng có vẻ như không ăn nhập với nhau ở hình thức biểu hiện bên ngoài.

3.6. Hát Dạm Quyển Sơn hay hội Dạm Quyển Sơn, xét về phương diện cấu trúc, có những loại hành động hội chính như sau:

- Loại hành động hội mang tính chất nghi lễ là chính, gồm rước kiệu, tế lễ.

- Loại hành động hội mang tính chất thi đấu - thể thao là chính, gồm múa lân, leo dây múa đối, bơi chải, đấu vật, đấu cờ người, tổ tôm điểm...

- Loại hành động hội mang tính chất biểu diễn - nghệ thuật là chính: hát chèo, hát tuồng.

- Loại hành động hội mang cả tính chất nghi lễ lẫn tính chất nghệ thuật, gồm rước kiệu, hát múa Dạm (khi không có tế lễ đi kèm).

Sự phân loại như trên chỉ mang tính chất tương đối. Trên thực tế, chúng có thâm nhập, chuyển hóa lẫn nhau. Và lại, đã là hành động diễn xướng trong lễ hội, thì hành động hội nào chả ít nhiều liên quan đến nghi lễ. Hơn nữa, để thu hút người xem, hành động hội nào cũng mang tính nghệ thuật cao.

Từ bốn loại hành động hội trên, lại có thể phân xuất thành những hành động hội chính như sau:

+ Hành động hội chính cá biệt nhằm tái hiện sự kiện lịch sử và chiến công chống ngoại xâm, biểu dương công lao dựng nước và giữ nước của người anh hùng mà tầm vóc ít nhiều đã được tư duy dân gian đẩy đến mức huyền thoại, với nét đặc thù diễn xướng dùng con thuyền và mái chèo tượng trưng để chuyên chở tất cả mọi thứ, từ hoạt động đánh giặc, hoạt động sản xuất đến tâm tư tình cảm.

+ Hành động hội chính diễn xướng tái hiện công cuộc sản xuất nông nghiệp, tổ chức và xây dựng làng chạ qua các hình ảnh biểu trưng cấy lúa, chăn tằm, dệt cửi, làm nhà...

+ Hành động hội chính mang tính đồng xướng, lĩnh xướng, đối xướng giữa nữ với nữ.

+ Hành động hội chính diễn xướng xướng - xô cặp đôi của cư dân sông nước và cư dân lúa nước mà trung tâm là đồng bằng sông Hồng.

Trong số bốn hành động hội chính và các diễn xướng cơ bản, thì hành động hội chính tái hiện, chiêm nghiệm công cuộc sản xuất có số lượng các làn điệu khá nhiều (65%), chúng tỏ lễ hội Hát Dậm tuy là lễ hội lịch sử nhưng mang nặng tính phong tục tập quán. Người

Quyển Sơn thời xưa chỉ mượn cái bỏ lịch sử để chứa đựng nội dung sản xuất nông nghiệp và phong tục.

- Ngoài bốn hành động hội chính, Hát Dậm còn có hành động hội phụ diễn tả tình cảm giao duyên nam nữ.

Do có thể quy cả năm hành động hội chính và đặc điểm diễn xướng vào lối diễn xướng xướng -xô bao trùm, cho nên hoàn toàn có thể khẳng định Hát Dậm đã nảy sinh, phát triển ngay trên cơ tầng văn hoá dân gian bản địa, có nguồn gốc Việt Nam và Đông Nam Á.

4. Về khả năng vận dụng các thể thơ, ca dao, dân ca, tục ngữ

Khi sáng tạo Hát Dậm, các nghệ nhân dân gian đã vận dụng tương đối nhiều và thành công các thể thơ dân gian, ca dao, tục ngữ để tạo lời ca. Điều đó góp phần tạo cho đối tượng vừa có được cái phong vị ngọt ngào, nhuần nhị của dân ca, vừa có được cái bề bộn, phong phú của lễ hội lịch sử - phong tục.

5. Về ngôn từ

Kết quả thao tác khảo cứu Hát Dậm cho thấy, ngôn từ của nó giản dị, thô mộc, dễ hiểu. Nó không có những từ ngữ ngô nghê, khó hiểu như lời của dân ca Lải Lè, hay dân ca lý liên, tú huân Thanh Hoá. Dù thế, ở Hát Dậm vẫn hiện diện nhiều từ cổ đã mất nghĩa, có thể là từ vựng Việt - Mường (Lạc Việt), nhiều từ Hán Việt, điển cố văn học, chứng tỏ nó đã qua bàn tay nhuận sắc của các nhà nho bình dân.

6. Về âm nhạc, giai điệu

Có khá nhiều thể dân ca (thể nhạc Phôn clo) như Hát ngâm, Hát nói, Hát ru, Hát chèo đò, Hát vãn, ca khúc, Hát giáo đầu... được Hát Dậm vận dụng để tạo

tiết tấu, giai điệu, âm hưởng. Tất cả đều được dựa trên nền tảng ngũ cung phương Đông, có bài bản làn điệu, tiết tấu nhưng tương đối tự do, bởi cách luyến láy, đảo, điệp, bởi khả năng dùng lời đệm, tiếng đưa hơi của nghệ nhân dân gian. Nó mộc mạc, phù hợp đời sống nông nghiệp từ đầu thế kỷ XX trở ngược, và cố nhiên, cũng chưa đạt đến độ nhuần nhuyễn, du dương như Hát Xoan, Quan Họ Bắc Ninh.

Giữa âm nhạc dân gian (âm thanh nhạc cụ, lời ca nghệ nhân, giọng đọc chủ tế, Đông xướng, Tây xướng) với tín ngưỡng thờ Thành hoàng, thờ Thánh trong Hát Dậm có mối liên quan mật thiết, chúng tương tác qua lại, ràng buộc lẫn nhau để cùng vận động. Nhạc trong Hát Dậm là loại nhạc "thiên", gắn liền với múa "thiên", với nghi lễ.

7. Về vũ đạo

Múa trong Hát Dậm là múa trước thần linh, múa "thiên", được tiến hành đan xen cùng lời ca, cùng nhạc "thiên", hợp thành tổng thể ca - múa - nhạc liên hoàn. Nó vừa là hệ thống động tác nghệ thuật - nghi lễ mô phỏng hiện thực, vừa là hệ thống động tác cách điệu hoá, tượng trưng hoá hiện thực mà qua đó, con người có thể giao cảm với thần linh, nhắc nhở thần linh phù trợ cuộc sống con người được thịnh đạt. Ở múa Dậm có sự kết hợp giữa tính kỷ cương với tính trần tục, đủ để hình thành cái "thiên" của "lễ", cái vui của "hội".

8. Về đạo cụ và nhạc cụ

a. Đạo cụ

Hát Dậm là lễ hội song cũng là dân ca nghi lễ. Ở góc độ lễ hội, Hát Dậm sử dụng khá nhiều đạo cụ. Khi

rước xách, tế lễ thì có các đồ nghi trượng, chấp kích, bát bửu; khi bơi chải có cờ đuôi nheo, mái chèo, phách đôi; khi chơi tổ tôm có trống bỏi, quân bài gỗ, điểm dưng bằng tre nứa. Ở góc độ dân ca nghi lễ, hát múa Dậm khi không đi kèm tế lễ, thì có gươm giáo bằng gỗ, quạt giấy màu. Nói chung đạo cụ trong Hát Dậm cũng khá phong phú, đa dạng, không đơn điệu.

b. Nhạc cụ

Tương tự như đạo cụ, nhạc cụ trong Hát Dậm cũng khá đa dạng, phong phú về chủng loại. Ở góc độ lễ hội, khi rước kiệu và tế lễ, người ta dùng trống đại, chiêng, bát âm. Ở góc độ dân ca khi không có tế lễ đi cùng, có sênh tre, trống con. Tuy nhiên, nhìn tổng thể thì nhạc cụ trong Hát Dậm giản lược hơn nhạc cụ trong Quan Họ Bắc Ninh, trong ca Huế, trong Hát Xoan...

9. Về nội dung tư tưởng, ý nghĩa xã hội - nhân văn

Như nhiều lễ hội truyền thống khác ở Việt Nam và Đông Nam Á, lễ hội Hát Dậm dung chứa bên trong nhiều nội dung tư tưởng, chức năng ý nghĩa xã hội - nhân văn khác nhau. Đó là, thông qua các nghi thức tế lễ, các diễn xướng, lời ca, âm hưởng, giai điệu, tiết tấu, các nghệ nhân dân gian có xu hướng tái hiện sự kiện và nhân vật lịch sử, tái hiện công cuộc sản xuất, thái độ ứng xử hai chiều với thiên nhiên và xã hội, thế giới tình cảm đa chiều của người nông dân. Thông qua tổng thể ca-múa-nhạc liên hoàn, nghệ nhân hy vọng thông quan, giao cảm với thần linh, nhắc nhở thần linh phù trợ cho mưa thuận gió hoà, mùa màng tươi tốt, nhân khang vật thịnh, quốc thái dân an. Hơn thế, Hát Dậm cũng bộc lộ

khát vọng công bằng, dân chủ, làng xã thịnh vượng, gia đạo hoà hợp. Ở mức độ cao hơn, nó còn thể hiện tinh thần uống nước nhớ nguồn, biết ơn các thế hệ tiền bối có công dựng nước. Bao trùm hơn, nó phản chiếu thái độ ứng xử với tự nhiên và xã hội. Qua đây, chúng ta hiểu phần nào về tâm tư, tình cảm, phong tục, tập quán của người xưa. Từ cơ sở Hát Dậm, người dân rút ra những bài học cùng phương thức xử thế theo tinh thần "học xưa để hiểu nay".

10. Đối với Hát Dậm có thể hiểu một cách khái quát rằng, loại hình nghệ thuật nguyên hợp này không phải là cái gì huyền bí, cao siêu, dù có hẫng lớp vỏ hư ảo bao bọc, mà chính là tình yêu quê hương đất nước, niềm tự hào dân tộc, khát vọng vươn tới cái Chân, cái Thiện, cái Mỹ, ước mơ dân chủ, ước vọng thịnh đạt của người nông dân được tín ngưỡng hoá, lịch sử hóa, nghệ thuật hoá cao độ. Người tiểu nông đã mượn cái vỏ tín ngưỡng, hoang đường để chứa đựng cái thiết thực nhất, gần gũi nhất với đời sống nông thôn. Điều này giải thích vì sao thời xưa, làng quê nào cũng có lễ hội (dù đó là hội đình, hội đền hay hội chùa).

11. Trong chừng mực nhất định, lễ hội Hát Dậm góp phần "điều chỉnh" các mối quan hệ làng xã theo hướng hài hoà giữa con người với tự nhiên, giữa con người với con người, giữa đời thường và hội hè, giữa cái trần tục và cái thiêng liêng. Nó như "chất keo" đặc biệt gắn bó những người dân trong cộng đồng lại với nhau. Tiến hành lễ hội một cách có quản lý, có khoa học là một "liệu pháp" tinh thần chống lại cái tha hóa, cái xấu, cái phản nhân văn rất hữu hiệu.

12. Hát Dặm Quyển Sơn tích hợp trong bản thân nó nhiều lớp văn hoá, nhiều thành tựu của ca dao, của nghệ thuật, âm nhạc, vũ đạo dân gian, trò diễn dân gian. Nó không phải là hiện tượng hoàn toàn độc đáo, riêng biệt như có người lầm tưởng, cũng không phải hoàn toàn do tiếp thu từ Chiêm Thành như có người suy nghĩ. Giữa Hát Dặm với nhiều lễ hội ở đồng bằng Bắc bộ và cả Đông Nam Á vừa có điểm tương đồng, lại vừa có điểm dị biệt. Điểm tương đồng của Hát Dặm so với các lễ hội khác là do hiện tượng giao lưu, tiếp biến văn hoá, đặc biệt là do cùng nảy sinh trên cơ tầng văn hoá dân gian Đông Nam Á vốn thiên về nông nghiệp lúa nước, quy định. Điểm dị biệt giữa Hát Dặm với các lễ hội khác (cũng ở Việt Nam và Đông Nam Á) là do môi trường sinh thái - nhân văn, do phong tục, tập quán, tâm lý, thị hiếu từng tiểu vùng khác nhau, quy định. Chính vì Hát Dặm là loại hình nghệ thuật nguyên hợp chứa đựng bên trong nhiều tầng, nhiều lớp văn hoá (có lớp văn hoá tối cổ, có lớp văn hoá cổ, có lớp văn hoá Trung đại, cũng có lớp văn hoá cận hiện đại), nhiều thành tựu của văn hoá dân gian (âm nhạc, vũ đạo, phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo, ngôn ngữ...), là bức tranh khái quát đời sống nông nghiệp - nông thôn, cho nên người nghiên cứu phải tiếp cận nó bằng phương pháp liên ngành mới hy vọng khám phá được một vấn đề gì đó mới mẻ.

Về bản chất và diện mạo của Hát Dặm không nên hiểu rằng, nó nhất thành bất biến, mà cần hiểu rằng nó đã trải qua một quá trình biến đổi suốt gần một nghìn năm do chịu tác động bởi các biến thiên lịch sử - xã hội, tuy không thật lớn, cả về đặc điểm diễn xướng, âm nhạc,

vũ đạo, lời ca, đúng theo quy luật biến đổi của văn nghệ dân gian. Nó chỉ tương đối định hình từ đầu thế kỷ XX đến nay.

13. Văn hoá dân gian làng xã có ba hàng số là nông nghiệp - nông dân - nông dân (tính đến năm 1945). Bao nhiêu biến đổi, bao nhiêu chuyển hóa cũng nằm trong biên độ hàng số ấy. Nếu nghiên cứu kỹ Hát Dậm, người ta sẽ thấy nó phản chiếu cả ba hàng số trên với mức độ đậm, nhạt khác nhau, tùy từng làn điệu, từng quy trình diễn xướng cụ thể các bài bản làn điệu ấy.

14. Bên cạnh những mặt lành mạnh, tích cực, Hát Dậm cũng có những mặt hạn chế. Đó là tư tưởng tự ty, hẹp hòi, thiếu cần, ích kỷ. Đó là việc tổ chức lễ hội kéo dài, tốn kém tiền của, công sức của nhân dân. Rất may mà khoảng vài chục năm trở lại đây, lề lối và cách thức tổ chức Hát Dậm đã thay đổi theo hướng gọn nhẹ, tinh giản, phù hợp thời đại mới. Tuy nhiên, hạn chế chỉ là thứ yếu, không tiêu biểu cho bản chất của Hát Dậm. Mặt tích cực vẫn là chủ yếu và tiêu biểu cho bản chất của nó.

15. Trải gần một ngàn năm tồn tại, vận động với nhiều biến cố lịch sử thăng trầm, cho đến giờ, Hát Dậm vẫn còn "sống" trong đời sống văn hoá - tinh thần người dân Quyển Sơn. Chỉ nguyên điều ấy cũng chứng tỏ sức sống bền bỉ, dẻo dai của nó. Với tất cả những gì mà nó có được, cả mặt tích cực lẫn hạn chế, về quy trình, về lề lối tổ chức, về đặc điểm diễn xướng, về ca - múa - nhạc liên hoàn, Hát Dậm Quyển Sơn xứng đáng được duy trì, bảo lưu, phát triển cho các thế hệ người dân hôm nay và cả mai sau, như một di sản phi vật thể quý hiếm của dân tộc Việt.

16. Nhưng muốn thế, chúng tôi thấy cần nêu một số kiến nghị với các cấp quản lý như sau, khi cho lễ hội Hát Dặm vận hành:

a. So với quy mô Hát Dặm xưa, quy mô Hát Dặm hiện tại bị thu hẹp đi nhiều, chỉ còn tế lễ, múa hát Dặm, bơi chải (riêng bơi chải ba, bốn năm mới tiến hành một lần). Nếu có thể, người dân làng Quyển nên khôi phục lại trò đấu vật, đấu cờ người, múa lân, vào các ngày mồng 1 và mồng 6 tháng hai âm lịch. Đây đều là những trò thi đấu - thể thao lành mạnh cả, cũng không gây tốn kém nhiều tiền của, công sức. Trong ngày hội làng, thanh niên nam nữ một khi được thu hút vào các trò chơi lành mạnh, sẽ giảm thiểu đi những hoạt động tiêu cực.

b. Lễ vật dùng để dâng lên thần linh trong những ngày lễ hội Hát Dặm mở, như quan sát của chúng tôi hiện giờ, cơ bản đáp ứng yêu cầu sạch sẽ, trang trọng, tiết kiệm: hương hoa, dầu rượu, oản, ngũ quả, mâm xôi sỏ lợn hoặc mâm xôi con gà. Chúng tôi đề nghị nên khôi phục lại hai lễ vật quan trọng vốn có trong lễ hội Hát Dặm xưa, là bánh chưng, bánh dầy. Vì sao? vì quy trình chế biến hai loại bánh trên không phức tạp, kỹ thuật chế biến không cầu kỳ, cũng không gây tốn kém tiền của. Hơn thế, hai loại lễ vật này lại rất sâu sắc ý nghĩa. Chúng là biểu tượng cặp đôi tượng trưng cho Âm - Dương, Trời - Đất, Cha - Mẹ, đồng thời nhắc nhở con cháu nhớ về cội nguồn tổ tiên dân tộc Việt thời Hùng Vương thứ 6, với sự tích hoàng tử Lang Liêu được vua cha truyền ngôi do biết trọng sản phẩm nông nghiệp, biết ơn người đã sinh ra mình. Thứ lễ vật ngon lành, giàu ý nghĩa văn hoá như thế, lại không tốn kém tiền của, tại

sao không phục hồi ? Lễ vật dâng thân linh cần thành tâm, chứ đâu cần cao lương mỹ vị ?

c. Khoảng hơn chục năm trở lại đây, những cô gái sơn trẻ, thanh tân tham gia họ Dậm cứ thưa dần đi. Bà Trùm Trịnh Thị Rằm cho biết: năm 1999 có 16 cô, năm 2000 có 12 cô, năm 2001 có 10 cô, năm 2002 còn 8 cô, đến năm 2003 chỉ còn 6 cô. Hỏi nguyên nhân, cụ Rằm cho hay, có cô đã lấy chồng, có cô bỏ đi Nam làm ăn, có cô ở nhà nhưng từ chối luyện tập, bởi thù lao mà Ủy ban nhân dân xã Thi Sơn và Hợp tác xã nông nghiệp Quyển Sơn trả họ quá ít. Tình hình này kéo dài, sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến lễ hội Hát Dậm, khiến nó mai một dần. Cơ chế thị trường đã tác động xấu đến nhận thức người dân, chi phối lòng nhiệt tình của họ. Chúng tôi đề nghị Ủy ban nhân dân và Hợp tác xã Thi Sơn nên đầu tư vật chất tương đối thoả đáng cho các nghệ nhân, để họ yên tâm phục vụ lễ hội. Đã đến lúc, chúng ta không chỉ khuyến khích lòng nhiệt tình bằng khẩu hiệu, bằng những lời động viên suông như thời bao cấp.

d. Cũng cách đây hơn chục năm, dân chúng Quyển Sơn xây thêm tường bao phía trước đền Trúc, trong đó có hai cột đồng trụ, bên cạnh hai cột đồng trụ cũ. Thiết nghĩ, người xưa khi xây dựng đền và khuôn viên đền, chắc chắn đã tính đến sự hợp lý của từng hạng mục công trình rồi. Nay thế hệ con cháu xây thêm hai cột đồng trụ nữa, liệu có dẫn đến phá vỡ sự hài hoà trong tổng thể kiến trúc chung không? Ở góc độ cá nhân, chúng tôi đề nghị bỏ hai cột đồng trụ mới đi, đảm bảo tôn trọng tính toàn vẹn kiến trúc cũ của di tích lịch sử.

đ. Trang phục của họ Dậm thời nay thay đổi quá nhiều so với trang phục của họ Dậm thời xưa. Bà Trùm khi thì mặc áo lĩnh vàng, chít khăn nhiễu vàng; khi thì mặc áo gấm đỏ, chít khăn nhiễu đỏ. Các gái Dậm cũng khi thì mặc áo dài bằng lụa đỏ, chít khăn đỏ, thắt lưng gấm đỏ; khi thì mặc áo dài bằng lụa trắng; chít khăn lụa trắng; thắt lưng gấm trắng. Không hề có khăn mỏ quạ, váy lĩnh đen, áo tứ thân bằng lụa đỏ hoặc xanh như các nghệ nhân Hát Dậm vẫn mặc trước thế kỷ XX.

Xã hội Việt Nam đang vận hành theo cơ chế thị trường. Điều kiện vật chất đã khá giả hơn nhiều so với thời thực dân nửa phong kiến. Khi tổ chức lễ hội, người dân làng Quyển không cần phải bảo lưu cái vẻ tiêu tụy trong trang phục thời xưa. Nhưng cũng không nên vì thế mà thay đổi quá nhiều. Có lẽ, người dân Quyển Sơn nên dùng những loại vải đẹp, quý, để may trang phục cho các gái Dậm theo mẫu mã cũ. Thực hiện được tiêu chí đó, tức là nhân dân địa phương đã phát huy vốn văn hoá cổ truyền trên cơ sở đáp ứng những yêu cầu của thời đại mới.

e. Theo chỗ chúng tôi biết, thì nghi thức tế lễ trong lễ hội Hát Dậm mà ban khánh tiết đang thực hiện vào ngày mùng 1 và mùng 6 tháng hai âm lịch hàng năm, không phải là nghi thức cổ truyền vốn có ở làng Quyển. Sau một thời gian chệnh mảng không mở hội Dậm, vì nhiều lý do, người dân Quyển Sơn đã để mai một hầu hết quy trình tế lễ, nghi thức diễn xướng theo kiểu Nho giáo, vẫn được dùng ở thôn quê dưới hình thức thờ Thành hoàng. Mới đây, họ cử người lên tận một làng thuộc huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Tây để học hỏi cách thức

tế lễ, rồi đem "cây ghép" vào Hát Dậm. Cách làm đó không ổn, dễ dẫn đến tình trạng "Râu ông nọ, cằm cằm bà kia". Đành rằng quy trình tế lễ Thành hoàng đã được Nhà nước phong kiến chuẩn hóa từ sau thế kỷ XV, trên cơ sở điển lễ do Chu Công thời Tây Chu đặt ra, sau được các triều đại Trung Quốc bổ sung thêm và được truyền vào Việt Nam. Nhưng dầu sao, chúng tôi thấy ban khánh tiết làng Quyển cũng cần xem xét, đối chiếu, giữ lại những nghi thức thiết thực, đầy đủ, loại bỏ những nghi thức rườm rà, đảm bảo cho lễ hội được trang trọng, nghiêm cẩn, thiêng liêng, gọn nhẹ, mà không sơ lược.

h. Quan sát hội Dậm, từ góc độ âm nhạc dân gian, chúng tôi thấy các nhạc công ngoài sử dụng chiêng, trống, bát âm, còn dùng thêm cả sinh tiền. Nhạc cụ này vốn không có trong Hát Dậm xưa, nay nên bỏ, để lưu giữ những nhạc cụ truyền thống.

i. Liên quan đến quy trình và cách thức tế lễ trong Hát Dậm, còn có vấn đề tế nữ quan. Trước đây Hát Dậm chỉ tế lễ do các quan viên làng xã, cụ thể là các "đấng mày râu" đảm trách, không có tế nữ quan như hiện tại ở Đền Trúc. Lắp ghép thêm nghi thức tế nữ quan vào hội Dậm là điều nên xoá bỏ, nhằm gìn giữ thuần phong mỹ tục của quê hương núi Cấm - Hát Dậm Quyển Sơn vậy.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Đào Duy Anh: *Văn hoá Việt Nam sử cương* - Nxb TP Hồ Chí Minh 1992.
2. Toan Ánh : *Nếp cũ- Con người Việt Nam* - Nxb TP Hồ Chí Minh 1992.
3. Toan Ánh : *Nếp cũ- Tín ngưỡng Việt Nam* - Nxb TP Hồ Chí Minh 1992.
4. Toan Ánh : *Nếp cũ- Hội hè đình đám* - Nxb TP Hồ Chí Minh 1992.
5. Toan Ánh : *Phong tục Việt Nam* - Nxb Khai Trí Sài Gòn 1964.
6. Lê Hữu Bách: *Hát Dặm quyền sơn, một loại hình nghệ thuật nguyên hợp* - Tạp chí Văn hoá TT Hà Nam số 6/1998.
7. Lê Hữu Bách: *Hát Dặm Quyền Sơn* - Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật số 5/1998.
8. Lê Hữu Bách: *Về tín ngưỡng thờ nữ thần của tỉnh Hà Nam* - Tạp chí Văn hoá TT Hà Nam số 4/2002.
9. Lê Hữu Bách: *Đôi nét về tín ngưỡng thờ Tứ pháp của tỉnh Hà Nam* - Tạp chí Văn hoá nghệ thuật số 5/1998.
10. Lê Hữu Bách: *Truyện dân gian Kim Bảng* - Nxb Văn hoá dân tộc Hà Nội 2003.
11. Phan Kế Bính: *Việt Nam phong tục*- Nxb TP Hồ Chí Minh 1992.

12. Trần Lâm Biền: *Quanh tín ngưỡng dân dã Mẫu Liễu và điện thờ* - Tạp chí Nghiên cứu Văn hoá nghệ thuật số 5/1990.
13. Trần Lâm Biền: *Chùa Việt* - Nxb Văn hoá dân tộc Hà Nội 1992.
14. Nguyễn Từ Chi (Trần Từ): *Cơ cấu tổ chức làng Việt cổ truyền* - Nxb Văn hoá dân tộc 1986.
15. Nguyễn Từ Chi: *Nhận xét bước đầu về gia đình của người Việt*. In trong *Văn hoá học đại cương và cơ sở văn hoá Việt Nam* - Nxb Khoa học xã hội 1996.
16. Phan Đại Doãn: *Làng Việt Nam, một số vấn đề kinh tế - xã hội* - Nxb Khoa học xã hội và Nxb Mũi Cà Mau 1992.
17. Lê Dân: *Thời cúng tổ tiên, một nét đậm trong tâm linh người Việt* - Nxb Lao động Hà Nội 1994.
18. Diệp Đình Hoa: *Tìm hiểu làng Việt* - Nxb Khoa học xã hội 1990.
19. Đỗ Thị Hào - Mai Thị Ngọc Chúc: *Các nữ thần Việt Nam* - Nxb Phụ nữ Hà Nội 1984.
20. Nguyễn Duy Hình: *Tín ngưỡng thờ Thành hoàng ở Việt Nam* - Nxb Khoa học xã hội 1992.
21. Nguyễn Văn Huyền: *Góp phần nghiên cứu Văn hoá Việt Nam* - Nxb Khoa học xã hội 1996.
22. Trần Đình Hượu: *Nho giáo với tính cách là một tôn giáo*. In trong *Những vấn đề tôn giáo hiện nay* -- Nxb Khoa học xã hội 1994.
23. Trần Đình Hượu: *Đến hiện đại từ truyền thống* - Nxb Khoa học xã hội 1994.

24. Đinh Gia Khánh - Lê Hữu Tâm: *Lễ hội truyền thống trong xã hội hiện đại* - Nxb Khoa học xã hội 1994.
25. Đinh Gia Khánh: *Tục thờ Mẫu và những truyền thống văn hoá dân gian Việt Nam* - Tạp chí Văn học số 5/1992.
26. Đinh Gia Khánh: *Ngôi đình làng và mối quan hệ giữa Nho giáo với văn hoá dân gian* - Tạp chí Văn hoá dân gian số 4/1990.
27. Đinh Gia Khánh: *Văn hoá dân gian Việt Nam trong bối cảnh văn hoá Đông Nam á* - Nxb Khoa học xã hội 1993.
28. Vũ Ngọc Khánh - Ngô Đức Thịnh: *Tứ bất tử* - Nxb Văn hoá dân tộc 1991.
29. Vũ Ngọc Khánh: *Thờ cúng Thành hoàng ở đồng bằng Bắc Bộ* - Đề tài cấp bộ, Viện văn hoá dân gian 1995.
30. Vũ Ngọc Khánh: *Tín ngưỡng làng xã* - Nxb Văn hoá dân tộc 1993.
31. Vũ Ngọc Khánh: *Tiếp cận kho tàng Phôn Clo Việt Nam* - Nxb Văn hoá dân tộc 1999.
32. Nguyễn Quang Lê: *Văn hoá ẩm thực trong lễ hội truyền thống Việt Nam* - Nxb Văn hoá thông tin 2003.
33. Lâm Tô Lộc: *Nghệ thuật mua dân tộc Việt* - Nxb Văn hoá 1979.
34. Đặng Văn Lung: *Tam toà Thánh Mẫu* - Nxb Văn hoá dân tộc 1991.
35. Đặng Văn Lung (Chủ biên): *Quan Họ, nguồn gốc và quá trình phát triển* - Nxb Khoa học xã hội 1978.
36. Đặng Văn Lung và Thu Linh: *Lễ hội truyền thống và hiện đại* - Nxb Văn hoá 1984.

KHẢO CỨU VỀ LỄ HỘI HÁT DÂM QUYỂN SƠN

37. Sơn Nam: *Đình miếu và lễ hội dân gian* - Nxb TP Hồ Chí Minh 1992.
38. Thạch Phương và Lê Trung Vũ: *60 lễ hội truyền thống Việt Nam* - Nxb Khoa học xã hội 1995.
39. Hà Văn Tấn: *Đặc điểm phát giáo Việt Nam qua ngôi chùa trong đời sống văn hoá cộng đồng*. In trong *Những vấn đề tôn giáo hiện nay* - Nxb Khoa học xã hội 1994.
40. Tô Ngọc Thanh: *Những nguyên tắc cơ bản của âm nhạc dân gian* - Luận án tiến sĩ, Xôphia, 1987.
41. Trương Thìn: *Hội hè Việt Nam* - Nxb Văn hoá dân tộc 1990.
42. Trần Ngọc Thêm: *Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam* - Nxb TP Hồ Chí Minh 1996.
43. Ngô Đức Thịnh: *Văn hoá vùng và phân vùng văn hoá ở Việt Nam* - Nxb Khoa học xã hội 1993.
44. Ngô Đức Thịnh (chủ biên): *Đạo Mẫu* - Nxb Văn hoá 1995.
45. Ngô Đức Thịnh (chủ biên): *Hát Văn* - Nxb Văn hoá dân tộc 1992.
46. Ngô Đăng Thục: *Lịch sử triết học phương Đông* - Nxb TP Hồ Chí Minh 1991.
47. Nguyễn Quốc Tuấn: *Thờ Thành hoàng làng Việt ở Bắc Bộ* - Tạp chí nghiên cứu văn hoá nghệ thuật số 1 và 2/1992.
48. Lê Huy Trâm - Hoàng Anh Nhân: *Lễ tục, lễ hội truyền thống xứ Thanh* - Nxb Văn hoá dân tộc 2001.
49. Đỗ Đình Thọ: *Hát Dâm Quyển Sơn* - Tạp chí Văn hoá TT Hà Nam số 45/1997.

50. Bùi Đình Thảo: *Hát Dậm Quyển Sơn* - Tạp chí sông Châu số 1/1997.
51. Nguyễn Hữu Thu : *Hát Dậm Quyển Sơn* In trong *Kho tàng các lễ hội cổ truyền Việt Nam* - Nxb Văn hoá dân tộc 2001.
52. Trọng Văn: *Dân ca hát Dậm Hà Nam* - Sở Văn hoá TT Hà Nam xuất bản 1998.
53. Lê Trung Vũ: *Lễ hội cổ truyền* - Nxb Khoa học xã hội Hà Nội 1992.
54. Trần Quốc Vượng (chủ biên): *Mùa xuân và phong tục Việt Nam* - Nxb Văn hoá 1976.
55. Trần Quốc Vượng : *Việt Nam cái nhìn địa - văn hoá* - Nxb Văn hoá dân tộc 2000.
56. Trần Quốc Vượng: *Văn hoá Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm* - Nxb Văn hoá dân tộc 2001.
57. Trần Quốc Vượng: *Lễ hội, một cái nhìn tổng thể* - Tạp chí Văn hoá dân gian số 1/1986.
58. Nguyễn Minh San: *Tiếp cận tín ngưỡng dân dã Việt Nam* - Nxb Văn hoá dân tộc 1998.
59. Viện nghiên cứu Văn hoá dân gian: *Tín ngưỡng và văn hoá tín ngưỡng ở Việt nam* - Nxb Khoa học xã hội 2001.
60. Đại Việt sử ký toàn thư: Nxb Khoa học xã hội Hà Nội 1967 - 1968.
61. Đại Nam nhất thống chí: Nxb Khoa học xã hội 1971.
62. Lịch triều hiến chương loại chí - Lễ nghi chí - Nxb Sử học 1960.
63. Một số tài liệu tham khảo khác.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
- Lời giới thiệu	3
- Mở đầu	7
- <u>Chương một:</u> Lịch sử vấn đề	15
- <u>Chương hai:</u> Vài nét về cảnh quan - lịch sử - văn hoá làng Quyển Sơn trong bối cảnh văn hoá huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.	37
- <u>Chương ba:</u> Quy trình lễ hội-đặc điểm diễn xướng	93
- <u>Chương bốn:</u> Hát Dậm Quyển Sơn nhìn từ góc độ văn hoá, văn nghệ dân gian	215
- <u>Chương năm:</u> Vài nét về tính âm nhạc và ký âm một số bản nhạc của Hát Dậm .	325
* Kết luận và kiến nghị	385
* Tài liệu tham khảo chính.	401

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI
Số 46 đường Trần Hưng Đạo - Hà Nội
Tel: 048.253841

KHẢO CỨU VỀ LỄ HỘI HÁT ĐẠM QUYẾN SƠN
CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA LÊ HỮU LÊ

Chịu trách nhiệm xuất bản	Trần Đoàn Lâm
Biên tập	Tác giả
Sửa bản in	Lê Hữu Bách
Thiết kế bìa	Hoạ sĩ Lê Minh Sơn
Ảnh bìa	Hồ Văn

In 500 cuốn, khổ 14x20,5cm tại Xưởng in Nhà xuất bản Thế Giới
Giấy đăng ký kế hoạch xuất bản số: 166-2005/CXB/6-287/ThG
In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2006